

Bản án số: 06/2024/HS-ST

Ngày 28-02-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D - TỈNH NGHỆ AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Moong Công Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cụt Xuân Ninh.

Bà Đặng Thị Ngọc.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lô Quốc Ất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Ngọc Quang- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: L C T, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 11 tháng 9 năm 1949, tại huyện T D, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Bản M, thị trấn Th Gi, huyện T D, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Hưu trí; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: L V Th và con bà L Th T (Đều đã chết); Vợ: V Th L, con: 06 người con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/01/2011 đến ngày 28/01/2011 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Ngày 30/5/2011, bị can L C T bỏ trốn và bị truy nã. Đến ngày 12/3/2023 bị can đầu thú và được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa

- **Người làm chứng:**

+ Bà V Th L, sinh năm 1957. Địa chỉ: Bản M, thị trấn Th Gi, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

+ Anh L V H, sinh năm 1984. Trú tại: Bản L, xã L M, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

+ Chị L Th H, sinh năm 1988. Trú tại: Bản Th L, xã Th S, huyện Th Ch, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

- *Người chứng kiến*: Chị L Th C, sinh năm 1991. Trú tại: Bản N Kh, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 45 phút, ngày 05/01/2011, L C T đang ở quán kinh doanh Cà phê – Giải khát của T ở bản V, xã Y N, huyện T D, thì có L V H đến để hỏi mua dâm. Gặp L C T, L V H hỏi: “Có con em mô không?” (Ý hỏi có gái bán dâm hay không), thì T trả lời: “Có”. Nghe vậy, Hạnh nói với T: “Bố trí cái”, thì T trả lời: “Được”. Sau đó, L C T nói với L V H giá của một lần mua dâm là 150.000 đồng, thì Hạnh đồng ý. L V H, đưa cho L C T số tiền 150.000 đồng. Nhận tiền xong, L C T gọi L Th H (Sinh năm 1988, trú tại bản Th L, xã Th S, huyện Th Ch – Là một trong những gái bán dâm có sẵn trong quán của T) ra bán dâm cho L V H, thì H đồng ý. L C T đưa cho H 01 chiếc bao cao su. Sau đó, L Th H dẫn L V H đi vào 01 buồng ngủ tại quán mà T bố trí sẵn để quan hệ tình dục. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, khi L V H và L Th H đang quan hệ tình dục thì bị tổ công tác Công an huyện T D, tỉnh Nghệ An bắt quả tang, thu giữ: 01 bao cao su đã qua sử dụng; 01 bao cao su chưa qua sử dụng; 03 tờ tiền Polyme mệnh giá 50.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam và 01 quyển sổ ghi chép, theo dõi số lần khách mua dâm và số tiền thu được từ hoạt động mua bán dâm.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T D xác định được: Từ ngày 10/11/2010 đến ngày 19/12/2010, L Th H đã thực hiện hành vi bán dâm tổng cộng 98 lần, trong nhiều ngày tại quán của L C T. Những lần này đều do L C T chịu trách nhiệm đón khách, nhận tiền và bố trí địa điểm, pH tiện cho L Th H thực hiện việc bán dâm cho người khác. Thu tổng số tiền 11.745.000 đồng. Trong đó L C T và L Th H mỗi người hưởng số tiền 5.872.500.

Quá trình điều tra, bị can L C T được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh. Sau đó, L C T đã bỏ trốn khỏi địa pH và bị truy nã. Đến ngày 12/3/2023, nhận thức được hành vi phạm tội nên L C T đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T D để đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Sau khi đầu thú tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T D, L C T có biểu hiện bị bệnh tâm thần. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T D đã đưa L C T đi giám định.

Kết luận giám định pháp y tâm thần số 41 ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Phân viện pháp y tâm thần bắc miền trung, Viện pháp y tâm thần trung ương Bộ y tế kết luận:

“- *Tại thời điểm trước, trong, ngay sau khi thực hiện hành vi phạm tội (Ngày 05/01/2011), bị can L C T chưa có biểu hiện bị bệnh tâm thần, L C T đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.*

- *Tại thời điểm trước khi giám định và tại thời điểm giám định (Hiện tại), bị can L C T bị bệnh mất trí trong bệnh mạch máu, theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 (ICD10) có mã bệnh F01 - (Mất trí mức độ nhẹ), L C T hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi”.*

Bản cáo trạng số 04/CT-VKS-TD ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T D đã truy tố L C T về tội: “Chứa mại dâm” theo điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố của Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327, điểm o,q,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo: L C T 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 05 năm về tội “Chứa mại dâm”; Miễn án phí hình sự sơ thẩm và hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến gì tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng trước Hội đồng xét xử vào phòng nghị án bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an huyện T D, tỉnh Nghệ An, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo L C T đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ. Vì vậy có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 21 giờ ngày 05/01/2011, tại quán Cà phê – Giải khát của L C T ở bản V, xã Y N, huyện T D. L C T đã có hành vi chứa mại dâm. Ngoài ra, từ ngày 10/11/2010 đến ngày 19/12/2010, cũng tại quán của mình, L C

T đã có hành vi 98 (Chín mươi tám) lần chứa mại dâm. Đối chiếu mức hình phạt tại khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 với khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015, thì mức hình phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 nhẹ hơn mức hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, phải áp dụng khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 để truy tố đối với bị can L C T. Vì vậy, hành vi bị cáo đã thực hiện đã cấu thành tội: Chứa mại dâm. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự.

Chính vì vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T D đã truy tố bị cáo L C T theo tội danh và Điều luật, viện dẫn ở trên là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Tính chất, mức độ hậu quả của vụ án: Bị cáo người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã cố ý thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng xâm phạm đến trật tự công cộng, tác động xấu đến môi trường văn hóa, thuần phong mỹ tục, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội gây bức xúc trong nhân dân. Tệ nạn mại dâm đã và đang gây nhiều hệ lụy cho xã hội, có nguy cơ lây lan các bệnh xã hội qua đường tình dục và các tệ nạn xã hội khác. Vì vậy cần lên mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo sau khi phạm tội đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình gây ra, bị cáo đầu thú về hành vi phạm tội của mình, bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc điều khiển hành vi, hiện nay bị cáo đã trên 70 tuổi nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm o,q,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt thể hiện sự khoan hồng của nhà nước ta mà cải tạo mình thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Xét thấy bị cáo L C T có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại các khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, không có tiền án, tiền sự, trước khi phạm tội chấp hành tốt chính sách, pháp luật, và các quy định tại địa phương nơi cư trú, hiện nay bị cáo đã già yếu, nhiều bệnh tật. Bị cáo có đủ điều kiện cho hưởng án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, được sửa đổi, bổ sung một số

điều theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên việc cách ly bị cáo ra ngoài xã hội là không cần thiết mà để bị cáo cải tạo tại địa pH cũng đủ cho bị cáo tu dưỡng, rèn luyện bản thân, sớm trở thành công dân tốt, biết tôn trọng và tuân thủ pháp luật. Việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội mà vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời cũng thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Hình phạt bổ sung: Kết quả xác minh tài sản của bị cáo chỉ đủ duy trì cuộc sống thiết yếu hàng ngày và không có tài sản nào được tạo lập từ việc phạm tội nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án:

+ 01 (Một) bao cao su đã qua sử dụng và 01 (Một) bao cao su chưa qua sử dụng là vật chứng vụ án không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 (Một) quyển sổ ghi chép, theo dõi số lần khách mua dâm và số tiền thu được từ hoạt động mua bán dâm, được đánh số bút lục và chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

+ Số tiền 6.022.500đ (Bao gồm: 150.000 đồng Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ và 5.872.500đ – Là số tiền thu lợi bất chính từ việc chứa mại dâm, L C T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T D) là số tiền thu lợi bất chính nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[8] Án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo là người cao tuổi nên chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 327, điểm o,q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt: L C T 03 (Ba) năm tù nhưng được hưởng án treo thời gian thử thách là 05 (Năm) năm về tội “Chứa mại dâm”, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo L C T cho UBND thị trấn Th Gi, huyện T D, tỉnh Nghệ An nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa pH trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2]. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tiêu hủy: 01 (Một) bao cao su đã qua sử dụng và 01 (Một) bao cao su chưa qua sử dụng

(Đặc điểm và tình trạng vật chứng theo Phiếu nhập kho số 46/2011 ngày 05/4/2011 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An);

+ Sung ngân sách nhà nước số tiền 6.022.500đ (*Sáu triệu không trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng*) tại biên lai thu tiền số 0001963 ngày 05 tháng 4 năm 2011 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An.

[3] Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo L C T.

[4] Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 28/02/2024.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh NA;
- VKS H. T D;
- Công an T D;
- Bị cáo;
- UBND thị trấn Th Gi;
- Sở Tư Pháp Nghệ An;
- Chi cục THADS T D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Moong Công Hải